CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG
Số 326 Hùng Vương – Mỹ Long – TP.Long Xuyên – An Giang.
Điện thoại : 076.840138 Fax : 076.840139

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 11 năm 2009; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tổng vốn điều lệ là **397.362.020.000 VND** *(Ba trăm chín mươi bảy tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai mươi ngàn*

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Các đơn vị thành viên	
Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Miền Đông	Phước Hoà – Tân Thành – Bà Rịa –Vũng Tàu
Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Đồng Khởi	165D2 An Thuận A - Mỹ Thạnh An, Thị xã Bến Tre
Chi nhánh tại Đăk Lăk	Trung tâm thương mại Gia Nghĩa, tỉnh Đắc lắc
Chi nhánh tại Tp. HCM	Số 9 Nguyễn Kim , phường12 - Quận 5 - TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Hòa Bình	10/b1 tổ 2A, P.Tân Thịnh, Tp.Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Công ty liên kết	Vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	111.211.790.000 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	63.000.000.000 VND
Công ty Cổ phần ĐT Tài chính và Truyền thông Quốc Tế	2.660.000.000 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	11.500.000.000 VND

Công ty con	Vốn đầu tư
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	33.000.000.000 VND

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế:	+ 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30/06/2012:	30.820.106.475 VND
	+ 06 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30/06/2011:	56.454.618.096 VND
Lợi nhuận chưa phân phố	+ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 là:	129.806.141.827 VND
	+ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011 là:	102.975.186.352 VND

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Hung	Phó Chủ tịch
Ông : Lê Văn Chung	Thành viên
Ông : Lê Xuân Quế	Thành viên
Bà : Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Ông : Lê Văn Thủy	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Hung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài chính
Bà : Lê Thị Phượng	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Đinh Hoài Ân	Trưởng ban kiểm soát
Bà : Lê Thị Tính	Ủy viên kiểm soát
Ông : Lê Thanh Hảnh	Ủy viên kiểm soát

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Long Xuyên, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch

S.Đ.K.K.D: 1600169 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG
TP. LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Lê Thanh Thuần

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
100	**A . TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.151.395.583.891**	**897.400.539.347**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**		**100.539.700.225**	**32.613.021.079**
111	1. Tiền	03	50.539.700.225	11.713.021.079
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	20.900.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**571.181.113.027**	**293.971.196.832**
131	1. Phải thu khách hàng		390.450.930.694	181.047.241.416
132	2. Trả trước cho người bán		168.928.210.865	102.570.231.152
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	11.801.971.468	10.353.724.264
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	**IV. Hàng tồn kho**		**400.611.898.215**	**406.761.413.201**
141	1. Hàng tồn kho	05	400.611.898.215	406.761.413.201
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**79.062.872.424**	**164.054.908.235**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		155.211.600	358.023.200
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		19.752.962.616	12.458.528.582
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	208.707.104	315.931.489
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		58.945.991.104	150.922.424.964
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**525.259.102.822**	**480.851.607.954**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**39.193.850**	**39.193.850**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		39.193.850	39.193.850
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
220	**II. Tài sản cố định**		**209.994.497.763**	**175.359.853.571**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	26.062.856.859	25.716.048.430
222	- Nguyên giá		31.816.328.375	30.595.549.613
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(5.753.471.516)	(4.879.501.183)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	5.204.165.000	4.246.425.000
228	- Nguyên giá		5.204.165.000	4.246.425.000
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	178.727.475.904	145.397.380.141
240	**III. Bất động sản đầu tư**	10	**74.931.777.866**	**68.940.338.761**
241	- Nguyên giá		88.645.963.350	81.335.026.307
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(13.714.185.484)	(12.394.687.546)
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**228.467.573.035**	**223.966.981.055**
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	222.967.573.035	218.466.981.055
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	5.500.000.000	5.500.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
260	**V. Lợi thế thương mại**		**9.234.318.134**	**10.553.506.439**
270	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**2.591.742.174**	**1.991.734.278**
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.591.742.174	1.991.734.278
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác			
280	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.676.654.686.713**	**1.378.252.147.301**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
300	**A . NỢ PHẢI TRẢ**		**980.353.568.495**	**711.161.372.532**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**813.651.731.487**	**589.086.535.532**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	475.759.991.170	440.541.620.223
312	2. Phải trả người bán		247.666.141.316	56.796.163.180
313	3. Người mua trả tiền trước		44.788.163.236	43.552.629.005
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	31.951.070.700	27.066.231.092
315	5. Phải trả người lao động		172.772.200	174.402.181
316	6. Chi phí phải trả			
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	4.875.313.831	12.502.710.817
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		8.438.279.034	8.452.779.034
330	**II. Nợ dài hạn**		**166.701.837.008**	**122.074.837.000**
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		500.000.000	500.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	166.201.837.008	121.574.837.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
400	**B . VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**694.791.780.672**	**665.581.437.222**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**694.791.780.672**	**665.581.437.222**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sỡ hữu		397.362.020.000	397.362.020.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		141.588.960.000	141.588.960.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(203.049.838)	1.406.713.187
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.633.030.444	9.303.313.444
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.633.030.444	9.303.313.444
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.971.647.795	3.641.930.795
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		129.806.141.827	102.975.186.352
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	**C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**1.509.337.547**	**1.509.337.547**
510	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.676.654.686.713**	**1.378.252.147.301**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		2.874,00	2.415,00
- Euro (EUR)			
- Yên Nhật (JPY)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Long Xuyên, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	19	**264.871.396.233**	**259.329.294.671**	**474.059.528.065**	**491.380.219.014**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20		23.053.800.000	3.779.233.200	25.354.309.691
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	21	**264.871.396.233**	**236.275.494.671**	**470.280.294.865**	**466.025.909.323**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	22	**225.775.750.668**	184.520.793.327	**387.957.050.109**	**366.541.007.801**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**39.095.645.565**	**51.754.701.344**	**82.323.244.756**	**99.484.901.522**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	629.316.966	5.450.190.376	1.494.570.883	21.915.427.517
22	7. Chi phí tài chính	24	16.564.906.048	14.988.407.132	32.144.286.783	34.722.078.819
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*15.809.219.459*	*18.071.738.378*	*31.201.647.319*	*18.071.738.378*
24	8. Chi phí bán hàng		6.696.849.475	9.453.000.558	8.765.077.227	17.635.591.542
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.589.823.190	4.197.891.816	9.455.848.907	8.534.347.337
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**13.873.383.818**	**28.565.592.214**	**33.452.602.722**	**60.508.311.341**
31	11. Thu nhập khác		18.373.550	8.102.524.779	44.982.043	8.207.851.808
32	12. Chi phí khác		9.117.001	8.002.301.000	24.117.251	8.002.428.324
40	**13. Lợi nhuận khác**		**9.256.549**	**100.223.779**	**20.864.792**	**205.423.484**
45	**14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**		**5.105.252.418**	**3.294.051.053**	**6.044.802.915**	**10.919.316.977**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**18.987.892.786**	**31.959.867.046**	**39.518.270.430**	**71.633.051.802**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	3.635.558.630	7.166.453.998	8.698.163.955	15.178.433.706
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**15.352.334.156**	**24.793.413.048**	**30.820.106.475**	**56.454.618.096**
61	**18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**					
62	**18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ**		**15.352.334.156**	**24.793.413.048**	**30.820.106.475**	**56.454.618.096**
70	**19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)**	26			**776**	**1.995**

Long Xuyên, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011
01	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
	1. Lợi nhuận trước thuế		**39.518.270.430**	**71.633.051.802**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		2.193.468.271	1.385.568.321
03	2. Các khoản dự phòng			
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(551.931.419)	(21.915.427.517)
06	5. Chi phí lãi vay		31.201.647.319	18.071.738.378
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		**72.361.454.601**	**69.174.930.984**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(192.425.253.257)	(117.489.371.485)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.149.514.986	23.107.939.075
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		183.922.192.192	(140.633.910.640)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(397.196.296)	(865.604.016)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(31.201.647.319)	(18.071.738.378)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.278.597.852)	(275.566.015)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		41.065.921.569	79.547.221.095
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(43.798.215.316)	(124.433.486.011)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		**30.398.173.308**	**(229.939.585.391)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(42.819.551.568)	(28.395.601.315)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(60.000.000)	(31.628.973.891)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			15.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		562.704.274	6.683.543.529
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**(42.316.847.294)**	**(37.841.031.677)**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			199.108.920.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.033.037.212.361	518.614.536.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(953.191.841.406)	(519.792.841.389)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(98.900.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**79.845.370.955**	**197.831.714.611**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012*	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**67.926.696.969**	**(69.948.902.457)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**32.613.021.079**	**102.231.328.105**
61	*Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ*		(17.823)	60.971.828
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**100.539.700.225**	**32.343.397.476**

Long Xuyên, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 11 năm 2009; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tổng vốn điều lệ là 397.362.020.000 VND (Ba trăm chín mươi bảy tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai mươi ngàn đồng)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; ...

1.4 Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con

Tên công ty	Cty TNHH Dũng Thịnh Phát
Địa chỉ	Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP.HCM.
Vốn điều lệ	50.000.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	66%

Công ty liên kết

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I
  Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
  Vốn điều lệ: 380.000.000.000 VND
  Tỷ lệ góp vốn: 24,65%

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
  Địa chỉ: 290A/6 Đường 955, Khóm Xuân Hòa, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
  Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VND
  Tỷ lệ góp vốn: 41,33%

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á
  Địa chỉ: Quốc lộ 81, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
  Vốn điều lệ: 120.000.000.000 VND
  Tỷ lệ góp vốn: 20,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

- Tên công ty: Công ty Cổ phần ĐT Tài chính và Truyền thông Quốc Tế
  Địa chỉ: Khóm Xuân Hòa, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
  Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND
  Tỷ lệ góp vốn: 26,60%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang và báo cáo tài chính của các Công ty con ("nhóm Công ty") được hợp nhất như sau:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết do công ty mẹ nắm giữ
	30/06/2012	30/06/2012
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	33.000.000.000 VND	66%

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ ngắn hạn (1 năm trở xuống) tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	30/06/2012	*01/01/2012*
Tiền mặt	**17.098.318.771**	**10.310.451.843**
Tiền mặt VND	17.098.318.771	10.310.451.843
Tiền gửi ngân hàng	**33.441.381.454**	**1.402.569.236**
Tiền gửi VND	33.387.068.408	1.352.269.617
Tiền gửi ngoại tệ	54.313.046	50.299.619
Các khoản tương đương tiền	**50.000.000.000**	**20.900.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000.000	20.900.000.000
Cộng	**100.539.700.225**	**32.613.021.079**

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- BHXH	145.763.744	17.403.848
- BHYT	27.736.455	3.559.878
- BHTN	12.257.182	1.582.168
- Phải thu ông Trần Minh Trí	7.892.740.000	7.892.740.000
- Đối tượng khác	3.723.474.087	2.438.438.370
Cộng	**11.801.971.468**	**10.353.724.264**

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.611.400.670	1.611.400.670
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.721.303.464	43.964.973.248
- Hàng gửi đi bán	1.050.000.000	23.690.446.825
- Hàng hóa	330.229.194.081	337.494.592.458
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**400.611.898.215**	**406.761.413.201**

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế thu nhập cá nhân	144.046.104	251.931.489
- Các khoản phải thu khác	64.661.000	64.000.000
Cộng	**208.707.104**	**315.931.489**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ	**22.708.828.544**	**1.189.305.029**	**4.360.190.965**	**2.337.225.075**	**30.595.549.613**
2. Số tăng trong kỳ		**197.933.308**	**945.572.727**	**77.272.727**	**1.220.778.762**
- Mua sắm mới		*197.933.308*	*945.572.727*	*77.272.727*	*1.220.778.762*
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
-Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	**22.708.828.544**	**1.387.238.337**	**5.305.763.692**	**2.414.497.802**	**31.816.328.375**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
1. Số dư đầu kỳ	**634.729.932**	**247.480.811**	**2.647.628.807**	**1.349.661.633**	**4.879.501.183**
2. Số tăng trong kỳ	**228.031.404**	**97.090.359**	**321.521.983**	**227.326.587**	**873.970.333**
- Khấu hao trong kỳ	*228.031.404*	*97.090.359*	*321.521.983*	*227.326.587*	*873.970.333*
-Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	**862.761.336**	**344.571.170**	**2.969.150.790**	**1.576.988.220**	**5.753.471.516**
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	**22.074.098.612**	**941.824.218**	**1.712.562.158**	**987.563.442**	**25.716.048.430**
Tại ngày cuối kỳ	**21.846.067.208**	**1.042.667.167**	**2.336.612.902**	**837.509.582**	**26.062.856.859**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	**4.246.425.000**				**4.246.425.000**
Số tăng trong kỳ	**957.740.000**				**957.740.000**
- Mua trong kỳ	957.740.000				*957.740.000*
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	**5.204.165.000**				**5.204.165.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu kỳ					
Số tăng trong kỳ					
- Khấu hao trong kỳ					
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ					
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	**4.246.425.000**				**4.246.425.000**
Tại ngày cuối kỳ	**5.204.165.000**				**5.204.165.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2012	*01/01/2012*
+ Khu chung cư cao cấp huyện Nhà Bè Tp.HCM	53.096.416	**53.096.416**
+ Khu dân cư Bình Khánh 3-Đường giải thoát giao thông	1.118.523.083	1.116.423.083
+ Khu dân cư Bình Khánh 5	10.057.243.451	6.502.659.291
+ Khu dân cư Bình Khánh 3	9.434.879.337	44.509.092
+ Khu dân cư Phường 7 - Thị xã Bến Tre	8.174.367.196	7.699.278.542
+ Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	32.369.077.406	25.545.816.660
+ Khu dân cư Chợ Vàm - Huyện Phú Tân	80.000.000	80.000.000
+ Khu dân cư Hội An - Huyện Chợ Mới	4.510.855.565	4.207.714.192
+ Khu dân cư Hoà Bình	1.278.122.647	1.041.661.056
+ Khu đô thị P.10 Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	817.647.049	760.157.399
+ Khu dân cư Phú Hòa huyện Thoại Sơn	227.551.396	227.551.396
+ Khu dân cư Thị trấn Tri Tôn	54.915.991.011	50.582.313.014
+ Khu dân cư Sao Mai - Lấp Vò		156.000.000
+ Khu dân cư Xuân Biên - Tịnh Biên	8.309.921.347	
+ Mua đất xây dựng "khu văn phòng và nhà ở cao tầng"	47.380.200.000	47.380.200.000
Cộng	**178.727.475.904**	**145.397.380.141**

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá	**81.335.026.307**	**7.310.937.043**		**88.645.963.350**
- Quyền sử dụng đất	26.494.055.946	5.200.000.000		31.694.055.946
- Nhà	54.840.970.361	2.110.937.043		56.951.907.404
II. Giá trị hao mòn lũy kế	**12.394.687.546**	**1.319.497.938**		**13.714.185.484**
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	12.394.687.546	1.319.497.938		13.714.185.484
III. Giá trị còn lại	**68.940.338.761**			**74.931.777.866**
- Quyền sử dụng đất	26.494.055.946			31.694.055.946
- Nhà	42.446.282.815			43.237.721.920

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/06/2012	*01/01/2012*
11.1 Đầu tư vào công ty liên kết	**222.967.573.035**	**218.466.981.055**
- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại Công ty (*)	199.871.790.000	199.811.790.000
- Phần lãi trong công ty liên kết thuộc về Công ty	23.095.783.035	18.655.191.055
11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh		
Cộng (11.1)+(11.2)	**222.967.573.035**	**218.466.981.055**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

(*) Thông tin về công ty liên kết ngày 30/06/2012 như sau:

	30/06/2012	
	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia (I.D.I)	111.211.790.000	24,65%
Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	62.000.000.000	41,33%
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	24.000.000.000	20,00%
Công ty Cổ phần ĐT Tài chính và Truyền thông Quốc Tế	2.660.000.000	26,60%
Cộng	**199.871.790.000**	

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Số lượng	*30/06/2012*	*01/01/2012*
- Đầu tư cổ phiếu		**5.500.000.000**	**5.500.000.000**
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	550.000	5.500.000.000	5.500.000.000
- Đầu tư trái phiếu			
Cộng		**5.500.000.000**	**5.500.000.000**

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Công cụ, dụng cụ	666.299.005	141.432.969
- Chi phí quảng cáo	499.251.582	998.503.168
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.426.191.587	851.798.141
Cộng	**2.591.742.174**	**1.991.734.278**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Vay ngân hàng	466.718.707.970	366.564.299.620
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Kiên Giang	*80.000.000.000*	*41.084.299.620*
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	*176.748.707.970*	*132.500.000.000*
Ngân hàng Phát triển An Giang	*209.970.000.000*	*192.980.000.000*
- Vay đối tượng khác	9.041.283.200	73.977.320.603
Cty CPCK NH NN CN Tp.HCM		*8.400.000.000*
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản		*34.986.000.000*
Vay cá nhân		*30.591.320.603*
Cộng	**475.759.991.170**	**440.541.620.223**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Thuế giá trị gia tăng	3.363.858.757	1.898.585.252
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.587.211.943	25.167.645.840
Cộng	**31.951.070.700**	**27.066.231.092**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Kinh phí công đoàn	38.165.404	38.653.620
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.837.148.427	12.464.057.197
+ Chia cổ tức	*1.043.084.000*	*1.043.084.000*
+ Thuế TNCN	*340.952.060*	*323.272.265*
+ Mượn vốn Công ty CP ĐT và PT Đa Quốc Gia		*9.000.000.000*
+ Giữ hộ Công ty CP Truyền thông Quốc tế	*1.000.000.000*	
+ Phải trả khác (*)	*2.453.112.367*	*2.097.700.932*
Cộng	**4.875.313.831**	**12.502.710.817**

(*): Chủ yếu là tiền khách hàng góp vốn liên doanh mua nền ở khu dân cư đang triển khai giai đoạn đầu (bồi hoàn).

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	*01/01/2012*
- Vay ngân hàng	94.360.664.600	121.574.837.000
Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	*57.127.845.600*	*34.814.000.000*
Ngân hàng Phát triển An Giang	*6.190.845.000*	*10.065.843.000*
Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	*20.000.000.000*	*32.000.000.000*
Ngân hàng Sài Gòn - CN An Giang	*11.041.974.000*	*44.694.994.000*
- Vay đối tượng khác	71.841.172.408	
Cộng	**166.201.837.008**	**121.574.837.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	**99.126.000.000**	**141.588.960.000**	**(1.472.150.923)**		**148.684.418.953**	**6.161.382.649**	**6.161.382.649**
Tăng vốn trong năm trước	298.236.020.000		2.878.864.110				
Lãi trong năm trước					66.485.857.024		
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận				3.641.930.795	(13.067.723.180)	3.141.930.795	3.141.930.795
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức					(99.126.000.000)		
Giảm khác					(1.366.445)		
Số dư cuối năm trước	**397.362.020.000**	**141.588.960.000**	**1.406.713.187**	**3.641.930.795**	**102.975.186.352**	**9.303.313.444**	**9.303.313.444**
Tăng vốn trong kỳ							
Lãi trong kỳ					30.820.106.475		
Tăng khác							
Giảm vốn trong kỳ							
Lỗ trong kỳ							
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận				1.329.717.000	(3.989.151.000)	1.329.717.000	1.329.717.000
Chia cổ tức							
Giảm khác			(1.609.763.025)				
Số dư cuối kỳ	**397.362.020.000**	**141.588.960.000**	**(203.049.838)**	**4.971.647.795**	**129.806.141.827**	**10.633.030.444**	**10.633.030.444**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	*%*	*01/01/2012*	*%*
Vốn góp của Nhà nước		0,00%		0,00%
Vốn góp của các các cổ đông	397.362.020.000	100,00%	397.362.020.000	100,00%
Cộng	**397.362.020.000**	**100%**	**397.362.020.000**	**100%**

18. c) Cổ phiếu

	30/06/2012	*01/01/2012*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trong kỳ		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng trong kỳ		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	39.736.202	39.736.202
- Cổ phiếu phổ thông	*39.736.202*	*39.736.202*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
Doanh thu bán hàng	468.778.980.721	461.940.397.351
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.280.547.344	4.641.142.105
Doanh thu hợp đồng xây dựng		24.798.679.558
Cộng	**474.059.528.065**	**491.380.219.014**

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
Hàng bán bị trả lại	3.779.233.200	25.354.309.691
Cộng	**3.779.233.200**	**25.354.309.691**

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	464.999.747.521	436.586.087.660
Doanh thu thuần dịch vụ	5.280.547.344	4.641.142.105
Doanh thu hợp đồng xây dựng		24.798.679.558
Cộng	**470.280.294.865**	**466.025.909.323**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
Giá vốn của hàng hóa đã bán	369.071.675.595	318.837.328.665
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.478.370.446	4.640.872.330
Giá vốn hợp đồng xây dựng		19.002.277.340
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	14.407.004.068	24.060.529.466
Cộng	**387.957.050.109**	**366.541.007.801**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	562.704.274	6.680.968.778
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	860.160.209	15.234.458.739
- Lãi bán hàng trả chậm	71.706.400	
Cộng	**1.494.570.883**	**21.915.427.517**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
- Chi phí lãi vay	31.201.647.319	18.071.738.378
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	736.433.000	100.580.204
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.206.464	16.549.760.237
Cộng	**32.144.286.783**	**34.722.078.819**

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	8.698.163.955	15.178.433.706
Cộng	**8.698.163.955**	**15.178.433.706**

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	*Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2011*
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	30.820.106.475	56.454.618.096
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	39.736.202	28.303.821
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	776	1.995

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) kiểm toán.

Long Xuyên, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuấn